

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 13-01-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xương.

2. Bà Lưu Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Lý Thị Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Lệ N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số xx, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh S.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1975.

Chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T), sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: số xxx, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh S.

(Chị N, có mặt; Chị T và anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thị Lệ N trình bày:

Chị Dương Thị Lệ N là đầu thảo hụi, chị Lê Thị Hồng T (Lê Hồng T) và anh Nguyễn Ngọc L là hụi viên tham gia 02 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa, 04 tháng khui 01 kỳ, mở ngày 01/11/2011 âm lịch (ngày 25/11/2011 dương lịch), gồm 32 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, chị Lê Thị Hồng T (Lê Hồng T) và anh Nguyễn Ngọc L tham gia 02 phần, đã hốt hụi hết cả 02 phần. Hiện còn nợ lại tiền hụi chết tính đến thời điểm khởi kiện là: 03 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng x 02 phần hụi = 30.000.000 đồng. (gồm các kỳ thứ 25, 26 và 27 đã đến hạn). Dây hụi này còn 05 kỳ nữa là mãn hụi (ngày 01/3/2022 âm lịch).

Dây 2: Hụi mùa, 04 tháng khui 01 kỳ, mở ngày 30/02/2012 âm lịch (ngày 30/3/2012 dương lịch), gồm 27 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, chị Lê Thị Hồng T (Lê Hồng T) và anh Nguyễn Ngọc L tham gia 04 phần, đã hốt hụi hết cả 04 phần. Hiện còn nợ lại tiền hụi chết tính đến thời điểm khởi kiện là: 03 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng x 04 phần hụi = 60.000.000 đồng. (gồm các kỳ thứ 24, 25 và 26 đã đến hạn). Dây hụi này còn 01 kỳ nữa là mãn hụi (ngày 30/11/2020 âm lịch).

Cộng chung 02 dây hụi là 90.000.000 đồng.

Chị Dương Thị Lệ N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết buộc Lê Thị Hồng T (Lê Hồng T) và anh Nguyễn Ngọc L có trách Nệm trả lại cho chị số tiền hụi chết còn nợ đến hạn chưa thanh toán là 90.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay, chị Dương Thị Lệ N có ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay chị N chỉ yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) trả số tiền hụi còn nợ là 10.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa, chị Dương Thị Lệ N có ý kiến đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 và Quyết định áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2020/QĐ-BPKCTT ngày 02/11/2020 mà Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã ban hành theo yêu cầu của chị trước đây.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L vắng mặt:

Bị đơn là chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) vắng mặt:

Tại Biên bản hòa giải, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, bị đơn là chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) có ý kiến như sau:

Chị Lê Thị Hồng T (Lê Hồng T) và anh Nguyễn Ngọc L là vợ chồng. Chị thừa nhận, chị có tham gia góp hụi do chị Dương Thị Lệ N làm đầu thảo và có nợ tiền hụi chết như lời trình bày của chị N.

Nay chị T cũng đồng ý trả cho chị Dương Thị Lệ N số tiền hui chết đến hạn là 90.000.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ 90.000.000 đồng.

Chị N xác định, chồng chị là anh Nguyễn Ngọc L có biết việc chị N khởi kiện tại Tòa án, tuy Nên, do bận công việc làm thuê để sinh sống nên anh L không đến Tòa án được. Mọi việc là do chị T quyết định, anh L không có ý kiến phản đối gì.

Tại Biên bản hòa giải, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, bị đơn là chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) có ý kiến như sau:

Chị T cũng đồng ý trả cho chị Dương Thị Lệ N số tiền hui chết đến hạn là 20.000.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ 20.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Lệ N là chính đáng và có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, các đương sự đều thống nhất số dây hui tham gia và số tiền hui chết còn nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) phải trả số tiền hui còn nợ là 10.000.000 đồng.

Về các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ theo đề nghị của chị Dương Thị Lệ N.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên Tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu các bị đơn phải thanh toán số tiền hui còn nợ là 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không ai ép buộc. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ trong vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) có ý kiến thừa nhận như sau: “...Chị Lê Thị Hồng T (Lê Hồng T) và anh Nguyễn Ngọc L là vợ chồng. Chị thừa nhận, chị có tham gia góp hui do chị Dương Thị Lệ N làm đầu thảo và có nợ tiền hui chết như lời trình bày của chị N.

Nay chị T cũng đồng ý trả cho chị Dương Thị Lệ N số tiền hui chết đến hạn là 90.000.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ 90.000.000 đồng.....”

Đồng thời, bị đơn Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) cũng thừa nhận: “...Chị T cũng đồng ý trả cho chị Dương Thị Lệ N số tiền hui chết đến hạn là 20.000.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ 20.000.000 đồng...”

Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hui với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy Nên, hiện nay đây hui mà các bị đơn tham gia do nguyên đơn làm đầu thảo đã được các bị đơn hốt hui hết nhưng lại không thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền hui phải đóng theo thỏa thuận là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, L ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải thanh toán số tiền góp hui còn nợ là 10.000.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với ý kiến của bị đơn Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, do nguyên đơn không đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của các bị đơn.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hui. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có L cho bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2020/QĐ-BPKCTT ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn có ý kiến đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2020/QĐ-BPKCTT ngày 02/11/2020. Xét thấy, đây là ý kiến tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Cho nên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 142, Điều 147, Điều 217, khoản 1, khoản 3, Điều 218, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, khoản 2, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Lệ N. Buộc anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Dương

Thị Lệ N số tiền hui còn nợ (tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 08/10/2020) là 10.000.000 đồng (**mười triệu đồng**).

[2] Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị Dương Thị Lệ N đã rút về việc đòi anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) số tiền nợ hui là 80.000.000 đồng.

Chị Dương Thị Lệ Nhị có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ việc đòi anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) số tiền nợ hui là 80.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Dương Thị Lệ N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0006640 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) phải cùng chịu **500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng)** tiền án phí DSST.

Án xử công khai, chị Dương Thị Lệ N có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Hồng T (Lê Thị Hồng T) không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy